TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 7 - 2022.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tống Đức Hưởng;
2. Ông Đinh Hữu Cải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Tân Trung A, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Tân Trung A, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hòa chung sống vào năm 1997, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không còn tin tưởng nhau. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Hòa.

Về con chung: Sinh được 02 con tên Trương Hoàng Anh, sinh năm 1998 và tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh năm 2007 hiện cháu Anh đã trên 18 tuổi, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Duyên không yêu cầu anh Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Tại bản khai ngày 21 tháng 7 năm 2022 của anh Trương Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N chung sống vào năm 1997, có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không còn tin tưởng nhau. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Sinh được 02 con tên Trương Hoàng Anh, sinh năm 1998 và tên Trương Thị Mỹ Duyên, sinh năm 2007 hiện cháu Anh đã trên 18 tuổi, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Duyên có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, nếu sống với mẹ thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không thiếu nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Trương Văn H.

Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trương Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trương Thị Mỹ Duyên, sinh năm 2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhân chị N không yêu cầu anh Hòa cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trương Hoàng Anh, sinh năm 1998 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

Anh Hòa có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị N, anh Hòa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N, anh Hòa trình bày không thiếu nợ ai.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người tham gia tố tụng: Chị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Hòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị N, anh Hòa chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị N cho rằng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không còn tin tưởng nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Hòa. Anh Hòa thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn là tự nguyện phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị N có nguyện vọng nuôi cháu Duyên, quá trình lấy lời khai cháu Duyên có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy cần giao cháu Trương Thị Mỹ Duyên, sinh năm 2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trong nom, chăm sóc, giáo dục , nuôi dưỡng là phù hợp. Riêng cháu Trương Hoàng Anh, sinh năm 1998 đã đủ 18 tuổi, nên không đặt ra giải quyết.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Hòa cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận.

[3.2] Về quyền thăm con chung: Sau khi ly hôn anh Hòa có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh Hòa không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị N, anh Hòa trình bày không thiếu nợ ai.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b Khoản 2, Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1.Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Mỹ Duyên, sinh năm 2007 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhân chị N không yêu cầu anh Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hòa có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị N, anh Hòa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N, anh Hòa trình bày không thiếu nợ ai.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0007359 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị N, anh Hòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi chị N, anh Cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.